TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25/10/2018.
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Xê.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Luyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 248/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2018, về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tú O , sinh năm 1987.

ĐKHKTT: Thôn NC, xã AK, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội.

Tạm trú: Ki ốt 23, xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Đăng C, sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn NC, xã AK, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị Tú O trình bày:

Chị và anh Bùi Đăng C đăng kết hôn ngày 14/8/2006 tại UBND xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện. Sau kết hôn, vợ chồng anh chị sống cùng gia đình anh C tại Thôn NC, xã AK. Vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn do anh C chơi cờ bạc và có quan hệ ngoại tình. Năm 2011, chị đi khỏi gia đình anh C và hai vợ chồng chị sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh C không liên lạc và quan tâm tới chị và các con. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh Bùi Đăng C có 02 con chung là Bùi Thị Tú U, sinh ngày 21/3/2007 và Bùi Đăng Tr, sinh ngày 12/7/2010, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị mở cửa hàng kinh doanh karaoke tại xã Tân Phú, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, thu nhập ổn định khoảng 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) một tháng, đủ để các con ăn học còn hiện nay anh C không có nghề nghiệp ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình tố tụng, bị đơn là anh Bùi Đăng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

* Tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/8/2018, bà Nguyễn Thị Sâm, là mẹ đẻ của anh Bùi Đăng C trình bày:

Con trai bà là anh Bùi Đăng C kết hôn với chị Lê Thị Tú O năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, hai bên tự tìm hiểu. Sau kết hôn, con trai và con dâu bà chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống. Năm 2011, chị Oanh tự bỏ đi khỏi nhà, còn anh C vẫn ở cùng gia đình bà. Bà nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Oanh và anh C căng thẳng, kéo dài, nay chị Oanh yêu cầu giải quyết ly hôn, bà đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Oanh, cho hai bên được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Bùi Đăng C có 02 con chung là Bùi Thị Tú U, sinh ngày 21/3/2007 và Bùi Đăng Tr, sinh ngày 12/7/2010, hiện nay chị Oanh đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức của chị Oanh và anh C theo bà không có.

Hiện nay, anh C đi làm ăn ở Hà Nội nên bà nhận thay các văn bản do Tòa án giao cho anh C và bà cam kết giao cho anh C.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Toà án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

2. Về nội dung:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tú O đối với anh Bùi Đăng C. Xử cho chị Lê Thị Tú O được ly hôn anh Bùi Đăng C.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Thị Tú U, sinh ngày 21/3/2007 và Bùi Đăng Tr, sinh ngày 12/7/2010 cho chị Oanh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Ghi nhận sự tự nguyện của chị Oanh không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Oanh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Oanh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Chị Lê Thị Tú O có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với anh Bùi Đăng C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn là anh Bùi Đăng C có hộ khẩu và cư trú tại Thôn NC, xã AK huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn là anh Bùi Đăng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tú O và anh Bùi Đăng C đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện và thủ tục về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Oanh và anh C là hợp pháp.

Sau kết hôn, chị Oanh và anh C chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Oanh là do chơi cờ bạc, có quan hệ ngoại tình và không quan tâm đến vợ con, từ đó dẫn đến việc chị Oanh và anh C sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị Oanh đã làm đơn xin ly hôn một lần, sau đó chị Oanh rút đơn. Nay chị Oanh tiếp tục có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, còn anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành, thể hiện thái độ bỏ mặc, không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, gia đình thuẫn căng thẳng, kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn quan hệ hôn nhân giữa chị Oanh và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Oanh, cho chị Oanh được ly hôn anh C là phù hợp.

2.2. Về con chung: Cháu Bùi Thị Tú U, sinh ngày 21/3/2007 và Bùi Đăng Tr, sinh ngày 12/7/2010, hiện đang do chị Oanh nuôi dưỡng. Chị Oanh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, từ khi chị Oanh và anh C ly thân, chị Oanh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con; hiện nay cháu Uyên và cháu Trường đang có cuộc sống ổn định với chị Oanh. Do đó, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Oanh, giao cháu Uyên và cháu Trường trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Oanh tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Xét sự tự nguyện của chị Oanh là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Tú O không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị Tú O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 27; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 33; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 2 Điều 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Tú O đối với anh Bùi Đăng C.

Tuyên xử:

1. Hôn nhân: Chị Lê Thị Tú O được ly hôn anh Bùi Đăng C.

2. Về con chung:

Giao cháu Bùi Thị Tú U, sinh ngày 21/3/2007 và cháu Bùi Đăng Tr, sinh ngày 12/7/2010 cho chị Lê Thị Tú O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Uyên và cháu Trường đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận chị Lê Thị Tú O không yêu cầu anh Bùi Đăng C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Đăng C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Lê Thị Tú O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Tú O phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 008205 ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị Oanh đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Lê Thị Tú O có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Bùi Đăng C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Thi hành án huyện Hoài Đức
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Phòng GĐKT- TAND TP Hà Nội
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trương Thành Trung